

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS - ST

Ngày 24 - 12 - 2021

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bầy.

2. Ông Nguyễn Văn Giới.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Mạnh Hùng - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/12/2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 và các **Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST – DS ngày 03/11/2021 và số 48/2021/QĐST – DS ngày 02/12/2021** về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị V. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ – HĐQT ngày 07/7/2020). Vắng mặt.

- Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại:

+ Ông Vương Văn T - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ - V

+ Ông Nguyễn Huy P - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - V.

+ Ông Đinh Công Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - V

Cùng địa chỉ: Ngân hàng V Chi nhánh Uông Bí, Quảng Ninh – Số 496 đường Q, U, Quảng Ninh.

(theo Văn bản ủy quyền số 3233/2021/UQ-LCC-KHCN2 ngày 11/11/2021).

(Ông Vương Văn T và ông Nguyễn Huy P đều vắng mặt; ông Đinh Công Đ có mặt).

* **Bị đơn:** - Anh Nguyễn Văn K; sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị Chu Thị Hoàng Y; sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 5, khu 5, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 và bà Trịnh Thị S, sinh năm 1951. Cùng địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. **Đều vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 1:**

- Anh Nguyễn Văn K vay vốn tại V theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: 2913365, ngày 14/02/2015 cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng);

+ Thời hạn vay: 48 tháng;

+ Mục đích sử dụng vốn: mua sắm dụng cụ gia đình;

+ Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2913365, anh Nguyễn Văn K đã trả cho V số tiền gốc 29.832.331 đồng, tiền lãi 36.584.796 đồng. Đối với số tiền còn nợ lại tạm tính đến ngày 26/8/2021 là 64.306.115 đồng cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 24.167.669đ (hai mươi tư triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng).

+ Lãi trong hạn: 1.047.526đ (một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

+ Lãi quá hạn: 39.090.920đ (ba mươi chín triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm hai mươi đồng).

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 2:**

- Anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y vay vốn tại V theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 29/7/2016 cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng chẵn);

+ Thời hạn vay: 100 tháng, từ ngày 29/7/2016 đến ngày 29/11/2024;

+ Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm đồ dùng, nội thất gia đình.

+ Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 29/7/2016 là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: Khu phố II, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 904754, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp ngày 29/4/2011 đứng tên

ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016; Số công chứng: 3747.2016, quyển số: 01 do Văn phòng công chứng Quảng Ninh chứng nhận ngày 28/7/2016. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 8261541, anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y đã trả cho V số tiền gốc 61.765.641 đồng, tiền lãi 118.873.749 đồng. Số tiền còn nợ lại tạm tính đến ngày 26/8/2021 là 1.119.382.267đ cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 638.234.359đ (Sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn ba trăm năm mươi chín đồng).

+ Lãi trong hạn: 18.885.150đ (mười tám triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

+ Lãi quá hạn: 462.262.758đ (bốn trăm sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

Như vậy, tổng số tiền anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y còn nợ V cho cả hai Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 26/8/2021 là: 1.183.688.328đ (Một tỷ một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn ba trăm hai mươi tám đồng), (trong đó nợ gốc là 662.402.028 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.932.676 đồng, nợ lãi quá hạn là 501.353.678 đồng).

*** Nghị 12/8/2021, V đề nghị Tòa án:**

- Tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 được ký kết giữa V với anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho cả hai Hợp đồng tín dụng trên là 69.186.332 đồng.

- Đối với việc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y thỏa thuận với nhau về việc anh K chịu toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với cả hai khoản vay của hai Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết. V không đồng ý và đề nghị anh K và chị Y phải có nghĩa vụ chung đối với cả hai khoản vay trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*** Tại phiên tòa, V yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 được ký kết giữa V với anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho cả hai Hợp đồng tín dụng trên là 69.186.332 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 2913365 và Hợp đồng tín dụng số 8261541, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) là: 1.225.799.482 đồng, trong đó: nợ

gốc là 662.402.028 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.125.740 đồng, nợ lãi quá hạn là 560.271.714 đồng. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365, ngày 14/02/2015 tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) là 68.120.900 đồng (trong đó nợ gốc là 24.167.669 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.047.526 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.905.705 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 29/7/2016 tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) là 1.157.678.582 đồng (trong đó nợ gốc là 638.234.359 đồng, nợ lãi trong hạn là 18.885.124 đồng, nợ lãi quá hạn là 500.559.099 đồng).

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên cho đến ngày anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: Trong trường hợp anh K và chị Y không trả được toàn bộ số tiền trên thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016; Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi được xử lý không đủ trả nợ thì VPBank có quyền yêu cầu anh K và chị Y tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y trình bày:

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 1:**

Anh Nguyễn Văn K thừa nhận toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365, ngày 14/02/2015 cũng như quá trình thực hiện nghĩa vụ tại V là đúng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2913365, anh Nguyễn Văn K đã trả cho V số tiền gốc 29.832.331 đồng, tiền lãi 36.584.796 đồng. Đối với số tiền còn nợ lại tạm tính đến ngày 26/8/2021 là 64.306.115 đồng, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 24.167.669đ (hai mươi tư triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng).

+ Lãi trong hạn: 1.047.526đ (một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

+ Lãi quá hạn: 39.090.920đ (ba mươi chín triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Quan điểm của anh K và chị Y về việc trả nợ như sau: khoản vay trên là do một mình anh K ký kết vay ngân hàng, mặc dù vay trong thời kỳ hôn nhân với chị Y nhưng chị Y không biết gì và không liên quan gì đến khoản vay này, anh K vay cho cá nhân anh K sử dụng và vay bằng tín chấp không có tài sản bảo đảm. Nay V khởi kiện buộc cả anh K và chị Y cùng phải có trách nhiệm trả khoản vay này, anh

K và chị Y đều cho rằng chị Y không biết, không liên quan gì nên chị Y không phải có trách nhiệm trả cùng anh K. Anh K đồng ý trả cho V toàn bộ số nợ trên.

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 2:**

- Anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y thừa nhận toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 29/7/2016 cũng như quá trình thực hiện nghĩa vụ tại V là đúng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 8261541, anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y đã trả cho V số tiền gốc 61.765.641 đồng, tiền lãi 118.873.749 đồng. Đối với số tiền còn nợ lại tạm tính đến ngày 26/8/2021 là 1.119.382.267 đồng cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 638.234.359đ (Sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn ba trăm năm mươi chín đồng).

+ Lãi trong hạn: 18.885.150đ (mười tám triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

+ Lãi quá hạn: 462.262.758đ (bốn trăm sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

Quan điểm của anh K và chị Y như sau: Anh K và chị Y tại thời điểm vay tiền ngân hàng là vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay hai người đã ly hôn, theo thỏa thuận anh K sẽ là người có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 8261541, chị Y không còn liên quan gì đến việc trả nợ trên (Hai người thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản và cũng không có trong Quyết định ly hôn). Anh K tự nguyện trả toàn bộ số nợ trên cho V, không yêu cầu chị Y trả cùng. Trong trường hợp anh K không trả nợ được cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 thì anh K hoàn toàn nhất trí để V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541-TC ngày 28/7/2016 giữa ngân hàng TMCP V– Chi nhánh Quảng Ninh với ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S.

- Về việc chấm dứt Hợp đồng tín dụng trước thời hạn: Anh K và chị Y đều nhất trí với ý kiến của V về việc đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 được ký kết giữa V với anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Anh K và chị Y đều nhất trí với ý kiến của V về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho cả hai Hợp đồng tín dụng trên là 69.186.332 đồng.

3/ Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S trình bày:

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 1:**

Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2913365 ngày 14/5/2015 mà anh Nguyễn Văn K đã ký kết với VPBank để vay số tiền 54.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 14/02/2015 đến ngày 14/02/2019; mục đích vay: mua sắm dụng cụ gia đình. Hiện nay anh Khu vi phạm nghĩa vụ trả

nợ và V khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều buộc anh K phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2021 là 63.067.432 đồng; trong đó: Số tiền gốc: 24.167.669 đồng, số tiền lãi (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn): 38.899.763 đồng. Quan điểm của ông T, bà S như sau: Đây là khoản vay riêng của anh K, không liên quan đến Hợp đồng thế chấp 8261541/TC ngày 28/7/2016 mà vợ chồng ông T, bà S đã ký kết với V, Chi nhánh Quảng Ninh. Trong trường hợp anh K không trả được khoản nợ trên thì vợ chồng ông T, bà S không đồng ý để V đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 2:**

Vào ngày 28/7/2016, anh Nguyễn Văn K (là con trai của ông bà) và chị Chu Thị Hoàng Y (thời điểm đây là con dâu của ông bà) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 8261541 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 700.000.000đ; thời hạn vay 100 tháng kể từ ngày 29/7/2016 (ngày giải ngân) đến ngày 29/11/2024; mục đích vay vốn là mua sắm dụng cụ gia đình. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông Sâm, bà Thực đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016 với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh. Cụ thể tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 tại khu phố 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 904754, số vào sổ cấp GCN CH12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp ngày 29/4/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S.

Hiện nay anh K và chị Y đã ly hôn và vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V nên V khởi kiện tại Tòa án. Cụ thể: Tổng số tiền V buộc anh K, chị Y phải trả tạm tính đến ngày 16/7/2021 là 1.103.197.588 đồng, trong đó: Số tiền gốc: 638.234.359 đồng, số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn): 464.963.229 đồng. Quan điểm của vợ chồng ông Sâm, bà T như sau: Anh K và chị Y phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho V. Trong trường hợp anh K, chị Y không trả được số nợ trên thì vợ chồng ông S, bà T hoàn toàn nhất trí để V đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

* Về việc chấm dứt Hợp đồng tín dụng trước thời hạn: Ông S và bà T đều nhất trí với ý kiến của V về việc đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 được ký kết giữa V với anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y.

* Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ông S và bà T đều nhất trí với ý kiến của V về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho cả hai Hợp đồng tín dụng trên là 69.186.332 đồng.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự và những người tham gia tố tụng

khác, quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 27, 37, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cụ thể: Buộc anh Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365, ngày 14/02/2015 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn Khu với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Quảng Ninh. Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh. Tuy nhiên, hiện nay anh K và chị Y không còn là vợ chồng nên mỗi người phải chịu 50% nghĩa vụ trả nợ cho V. Trong trường hợp anh K, chị Y không trả được số tiền còn nợ đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 thì V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị S với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Quảng Ninh để thu hồi nợ. Đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho cả hai Hợp đồng tín dụng nêu trên, tổng số tiền là 69.186.332đ (sáu mươi chín triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của V và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: V đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 ngày 14/02/2015 và Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016, Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) là: 1.225.799.482đ, trong đó: nợ gốc là 662.402.028đ, nợ lãi trong hạn là 19.932.650đ, nợ lãi quá hạn là 543.464.804đ. Trong trường hợp anh K và chị Y không trả được toàn bộ số tiền trên thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016. Cụ thể tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là

toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 tại khu phố 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 904754, sổ vào sổ cấp GCN CH12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp ngày 29/4/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S.

Hội đồng xét xử xét thấy:

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 1:** Ngày 14/02/2015, anh Nguyễn Văn K vay vốn tại V theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365, cụ thể như sau: Số tiền vay: 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng); Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 14/02/2015 đến ngày 14/02/2019; Mục đích sử dụng vốn: mua sắm dụng cụ gia đình; Lãi suất cho vay trong hạn 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm. V đã thực hiện giải ngân số tiền vay trên cho anh Khu một lần bằng phương thức chuyển khoản vào ngày 14/02/2015.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365, anh K đã trả cho V số tiền gốc là 29.832.331 đồng, tiền lãi 36.584.796 đồng. Tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) anh còn nợ V số tiền là 68.120.900đ; trong đó tiền gốc là 24.167.669đ, tiền lãi trong hạn là 1.047.526đ, tiền lãi quá hạn là 42.905.705đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình vay vốn, anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hết thời hạn hợp đồng anh K đã không trả toàn bộ số tiền còn nợ nên V khởi kiện là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tuy nhiên, Hợp đồng tín dụng trên được vay trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K và chị Y nhưng chỉ do một mình anh K đứng ra ký kết vay, mặc dù trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ có ghi mục đích vay là để mua sắm dụng cụ gia đình nhưng đến nay cả anh K và chị Y đều cho rằng anh K sử dụng số tiền vay trên cho cá nhân anh K, không sử dụng nhu cầu thiết yếu của gia đình, chị Y không biết, không liên quan gì và anh K nhận có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số nợ của khoản vay trên, chị Y không có trách nhiệm trả cùng, mặc dù cho đến nay V cung cấp cho Tòa án Biên bản xác nhận nhu cầu vay vốn thể hiện anh Nguyễn Văn K cam kết sử dụng số tiền vay 54.000.000đ vào việc mua 02 tủ lạnh, ti vi, lò vi sóng, loa nhưng đến nay cả anh K, chị Y, vợ chồng ông S, bà T (là những người sống cùng nhà với anh K, chị Y) đều khẳng định không có việc anh K mua những vật dụng trên cho gia đình; V cũng không chứng minh được chị Y có biết về khoản vay này và anh K đã sử dụng số tiền vay để mua sắm dụng cụ trên cho gia đình anh K, sử dụng số tiền vay này vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài ra, trong các chứng từ trả nợ do V cung cấp, không có tài liệu nào thể hiện chị Y đã trả nợ gốc, lãi cho V đối với khoản vay 54.000.000đ trên. Do đó, căn cứ vào Điều 27, khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc anh K phải có trách nhiệm trả cho V toàn bộ số tiền này mà không buộc chị Y phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh K.

Mặt khác, khoản vay trên vay bằng tín chấp, không có tài sản bảo đảm nên việc V cho rằng nếu anh K, chị Y không trả được số nợ trên thì V có quyền đề nghị

cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 tại khu phố 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 904754, sổ vào sổ cấp GCN CH12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp ngày 29/4/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016 là không đúng quy định của pháp luật.

*** Đối với Hợp đồng tín dụng thứ 2:** Ngày 28/7/2016, anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y vay vốn tại V theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 cụ thể như sau: Số tiền vay: 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 100 tháng, từ ngày 29/7/2016 (ngày giải ngân) đến ngày 29/11/2024; Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm đồ dùng, nội thất gia đình; Lãi suất cho vay trong hạn 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; V đã thực hiện giải ngân số tiền vay trên cho anh K, chị Y một lần bằng phương thức chuyển khoản vào ngày 29/7/2016. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016 với Ngân hàng TMCP V. Cụ thể tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 tại khu phố 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 904754, sổ vào sổ cấp GCN CH12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp ngày 29/4/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 8261541, anh K, chị Y đã trả cho V số tiền gốc là 61.765.641 đồng, trả tiền lãi là 118.873.749 đồng. Tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) anh K, chị Y còn nợ Ngân hàng V số tiền là 1.157.678.582đ; trong đó tiền gốc là 638.234.359đ, tiền lãi trong hạn là 18.885.124đ, tiền lãi quá hạn là 500.559.099đ. Việc anh K, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 và Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 8261541 nên V khởi kiện thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Anh K và chị Y cho rằng tại thời điểm vay tiền V hai người là vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay cả hai đã ly hôn, theo thỏa thuận anh Khu sẽ là người có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho V theo Hợp đồng tín dụng số 8261541, chị Y không còn liên quan gì đến việc trả nợ trên (Hai người thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản và cũng không có trong Quyết định ly hôn), tuy nhiên phía V không nhất trí để anh K tự nguyện trả toàn bộ số nợ mà yêu cầu chị Y phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 28/7/2016 cả anh K và chị Y cùng tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng số 8261541 với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh, do đó anh K và chị Y đều phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù hiện nay giữa anh K và chị Y đã ly hôn, anh K và chị Y đều thống nhất anh K sẽ tự nguyện trả toàn bộ số nợ cho V theo Hợp đồng tín dụng số 8261541, tuy nhiên V

không đồng ý với sự thỏa thuận trên của anh K và chị Y nên anh K và chị Y đều phải có trách nhiệm trả nợ cho V là phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu của V là có căn cứ cần được chấp nhận. Tuy nhiên hiện nay anh K và chị Y đã ly hôn, hai người không còn là vợ chồng nên Hội đồng xét xử sẽ tuyên trách nhiệm liên đới của anh K và chị Y nhưng được chia theo phần nghĩa vụ trả nợ của từng người đối với V.

*** Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị S với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh.**

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 thì ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S đã thế chấp tài sản là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: Khu phố II, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 904754, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp ngày 29/4/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016; Số công chứng: 3747.2016, quyển số: 01 do Văn phòng công chứng Quảng Ninh chứng nhận ngày 28/7/2016. Như vậy việc anh K, chị Y vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 và việc thế chấp tài sản của ông S, bà T để đảm bảo cho khoản vay trên tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh là có thật, Hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp.

Tuy nhiên, V yêu cầu trong trường hợp anh K, chị Y không trả được toàn bộ số nợ cho V theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 và Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016, Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số nợ là không có căn cứ, bởi lẽ Hợp đồng thế chấp trên chỉ bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 và các Hợp đồng tín dụng được anh K, chị Y ký kết với V trong khoảng thời gian từ ngày 28/7/2016 đến ngày 28/7/2021 (quy định tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp), do đó không bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 được ký kết trước đó mà lại chỉ có một mình anh K ký. Mặt khác, ông S, bà T cũng không đồng ý để V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365. Do vậy, V chỉ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VPBank trong trường hợp anh K, chị Y không trả được nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016, Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016.

[3] Về các vấn đề khác:

* Về việc chấm dứt Hợp đồng tín dụng trước thời hạn: V đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 được ký kết giữa V với anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y. Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 có thời hạn vay là 100 tháng, kể từ ngày

29/7/2016 đến ngày 29/7/2024, cho đến nay Hợp đồng tín dụng trên chưa đến thời hạn thanh lý Hợp đồng, tuy nhiên do anh K, chị Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 và Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 8261541 nên việc V có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và thu hồi nợ trước thời hạn là có căn cứ. Mặt khác, bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí về vấn đề này nên được chấp nhận.

* Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho cả hai Hợp đồng tín dụng trên là 69.186.332 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của V là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, mặt khác, bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí về vấn đề này nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể:

Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 ngày 14/02/2015 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải **chịu án phí** dân sự sơ thẩm đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016, Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh, **chia theo phần, mỗi người phải chịu 50% tiền án phí.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 147, 157; 158, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; **Các Điều 317, 318, 320, 463, 466, 468, 500, 501, 502, 503, 688 Bộ luật dân sự 2015;** Các Điều 27, 37, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 167, 168, 170 Luật đất đai; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

1.1/ Buộc anh Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 ngày 14/02/2015 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh, **tổng số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) là 68.120.900đ (sáu mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng);** trong

đó tiền gốc là 24.167.669đ (hai mươi tư triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn là 1.047.526đ (một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng), tiền lãi quá hạn là 42.905.705đ (bốn mươi hai triệu chín trăm linh năm nghìn bảy trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/12/2021), cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, anh Nguyễn Văn K phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 ngày 14/02/2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

1.2/ Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh.

Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh, tổng số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 24/12/2021) là 1.157.678.582đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng); trong đó tiền gốc là 638.234.359đ (sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn ba trăm năm mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn là 18.885.124đ (mười tám triệu tám trăm tám mươi năm nghìn một trăm hai mươi tư đồng), tiền lãi quá hạn là 500.559.099đ (năm trăm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Cụ thể chia theo phần, anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y mỗi người phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 578.839.291đ (năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi chín nghìn hai trăm chín mươi một đồng); trong đó tiền gốc là 319.117.179,5đ (ba trăm mười chín triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm bảy mươi chín phẩy năm đồng), tiền lãi trong hạn là 9.442.562đ (chín triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), tiền lãi quá hạn là 250.279.549,5đ (hai trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi chín phẩy năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/12/2021), cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y không trả được số nợ trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8261541/TC ngày 28/7/2016 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 126,8m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01; địa chỉ thửa đất tại: khu phố II, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 904754, sổ vào sổ cấp GCN: CH 12007 do UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 29/4/2011 (Ngày 28/7/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, UBND thị xã Đông Triều đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị S).

Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K và chị Chu Thị Hoàng Y phải trả số tiền phạt chậm trả lãi cho Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 2913365 ngày 14/02/2015 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh và Hợp đồng tín dụng số 8261541 ngày 28/7/2016, Khế ước nhận nợ lần 1/số 8261541 ngày 29/7/2016 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn K, chị Chu Thị Hoàng Y với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Quảng Ninh, tổng số tiền là 69.186.332đ (sáu mươi chín triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Ngân hàng TMCP V đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 30.559.617đ (ba mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Chu Thị Hoàng Y phải chịu 27.153.572đ (hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.494.000đ (hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000661 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tô Thị Thịnh

